

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày 18/03/2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy
- Các hội thẩm nhân dân:
 - 1. Ông Nguyễn Xuân Tùng
 - 2. Ông Nguyễn Văn Sanh
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hiếu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu - thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 181/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông **Lê Văn V** – Sinh năm 1983. (Có mặt).

Nơi ĐKKHKT: 2 T, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Hiện tạm trú: 121/17 H, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng.

*** Bị đơn:** Bà **Hồ Thị Thủy V1** - Sinh năm 1989. (Vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: 2 T, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 08/7/2024 về việc xin ly hôn, bản tự khai ngày 23/8/2024, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Lê Văn V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn V và bà Hồ Thị Thủy V1 kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: 2 T, quận

H, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống năm 2021 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Bà V1 có quan hệ với người khác ở bên ngoài, ông V đã nhiều lần tha thứ và mong muốn hàn gắn nhưng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn.

Khi ông gửi đơn đơn phương ly hôn, cả ông V và bà V1 cũng đã làm tất cả các thủ tục theo Luật hoà giải đối thoại, hai bên đã đi đến thống nhất thuận tình ly hôn và nuôi con đồng thời đề nghị Toà án công nhận kết quả hoà giải đối thoại thành, nhưng bà V1 từ chối cung cấp căn cước công dân nên không hoàn thiện thủ tục được. Do đó, ông V làm đơn tiếp tục đề nghị Toà án giải quyết chấp nhận đơn khởi kiện cho ông V được ly hôn với bà V1 theo đúng quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Hồ Nhã U, sinh ngày 03.06.2013 và Lê Hồ Nhã P, sinh ngày 24.12.2018.

Khi ly hôn, ông V đề nghị toà án giải quyết cho ông V được nuôi Lê Hồ Nhã U và bà V1 nuôi Lê Hồ Nhã P, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Thoả thuận này cũng được bà V1 đồng ý trong quá trình hoà giải đối thoại.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Lê Văn V không yêu cầu tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai ngày 22/8/2024 bị đơn là bà Hồ Thị Thủy V1 trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà thống nhất như lời trình bày của ông V về thời gian và nơi đăng ký kết hôn. Trong thời gian từ năm 2020 đến năm 2024 bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng bà không có tiếng nói chung nên vợ chồng bà quyết định thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Hồ Nhã U, sinh ngày 03.06.2013 và Lê Hồ Nhã P, sinh ngày 24.12.2018. Vợ chồng thống nhất ông V nuôi con Lê Hồ Nhã U và bà V1 nuôi Lê Hồ Nhã P, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Vợ chồng tự thoả thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân quận Hải Châu đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải, giấy triệu tập cho bà Hồ Thị Thủy V1 tham gia hoà giải nhưng bà Hồ Thị Thủy V1 đều không có mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” của ông Lê Văn V đối với bà Hồ Thị Thủy V1.

* *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Lê Văn V được ly hôn đối với bà Hồ Thị Thủy V1.

* *Về con chung*: Giao con chung là Lê Hồ Nhã U cho ông V là người trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Lê Hồ Nhã P cho bà V1 là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Không ai cấp dưỡng cho ai để nuôi con.

* *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Lê Văn V không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Trong suốt quá trình tố tụng bà Hồ Thị Thủy V1 vắng mặt và không có lý do về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa hôm nay, bà Hồ Thị Thủy V1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Hồ Thị Thủy V1.

[1.3] Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Lê Văn V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn đối với bị đơn là bà Hồ Thị Thủy V1. Về con chung ông V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Hồ Nhã U, sinh ngày 03.06.2013 và bà V1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Hồ Nhã P, sinh ngày 24.12.2018 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Không ai cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Về Tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] *Về nội dung*: Xét yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của ông Lê Văn V đối với bà Hồ Thị Thủy V1, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Văn V và bà Hồ Thị Thủy V1 kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 08.08.2012, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo lời trình bày của ông V sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: 2 T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến năm 2021 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng ông bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, bà V1 có quan hệ với người khác ở bên ngoài. Ông V đã nhiều lần tha thứ và mong muốn hàn gắn nhưng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Khi ông gửi đơn đơn phương ly hôn, cả ông V và bà V1 cũng đã làm tất cả các thủ tục theo luật hoà giải đối thoại và hai bên đã đi đến thống nhất thuận tình ly hôn và nuôi con đồng thời đề nghị Toà án công nhận kết quả hoà giải đối thoại, nhưng bà V1 từ chối cung cấp căn cước công dân nên không hoàn thiện thủ tục được. Do đó, ông V làm đơn tiếp tục đề nghị Toà án giải quyết chấp nhận đơn khởi kiện cho ông V được ly hôn với bà V1 theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà V1 và ông V có cơ hội đoàn tụ nhưng bà V1 đều không có mặt, chứng tỏ bà V1 không tha thiết hàn gắn lại mối quan hệ hôn nhân với ông V. Qua xác minh tại địa phương, trong quá trình chung sống bà V1 và ông V có xảy ra mâu thuẫn. Như vậy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V đối với bà V1 là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là Lê Hồ Nhã U, sinh ngày 03.06.2013 và Lê Hồ Nhã P, sinh ngày 24.12.2018. Khi ly hôn, Ông V đề nghị toà án giải quyết cho ông V được nuôi Lê Hồ Nhã U và bà V1 nuôi Lê Hồ Nhã P và không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Bà V1 cũng có nguyện vọng giải quyết con chung và cấp dưỡng nuôi con chung như yêu cầu của ông V đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu Lê Hồ Nhã U nên cần được chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông V và bà V1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[2.4] *Về án phí:*

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Lê Văn V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của UBTVQH Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” của ông Lê Văn V đối với bà Hồ Thị Thủy V1.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn V được ly hôn với bà Hồ Thị Thủy V1.

1.2. Về con chung: Giao con chung Lê Hồ Nhã U, sinh ngày 03.06.2013 cho ông Lê Văn V trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Lê Hồ Nhã P, sinh ngày 24.12.2018 cho bà Hồ Thị Thủy V1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Các bên vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông Lê Văn V phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Lê Văn V đã nộp tại biên lai thu số 0004626 ngày 31.10.2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ông Lê Văn V đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường Phước Ninh, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Thùy

